



máo xiàn

毛线

noun · yarn

Example Sentences

Tā yòng máo xiàn zhī le yī tiáo wéi jīn.
她用毛线织了一条围巾。

She knitted a scarf with yarn.

Zhè xiē máo xiàn yán sè hěn xiān yàn shì hé zhī máo yī.
这些毛线颜色很鲜艳，适合织毛衣。

These yarns are very bright in color, suitable for knitting sweaters.

Trace each character, then write the word on your own.

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛													
线	线	线	线	线	线	线	线	线	线	线	线								